

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

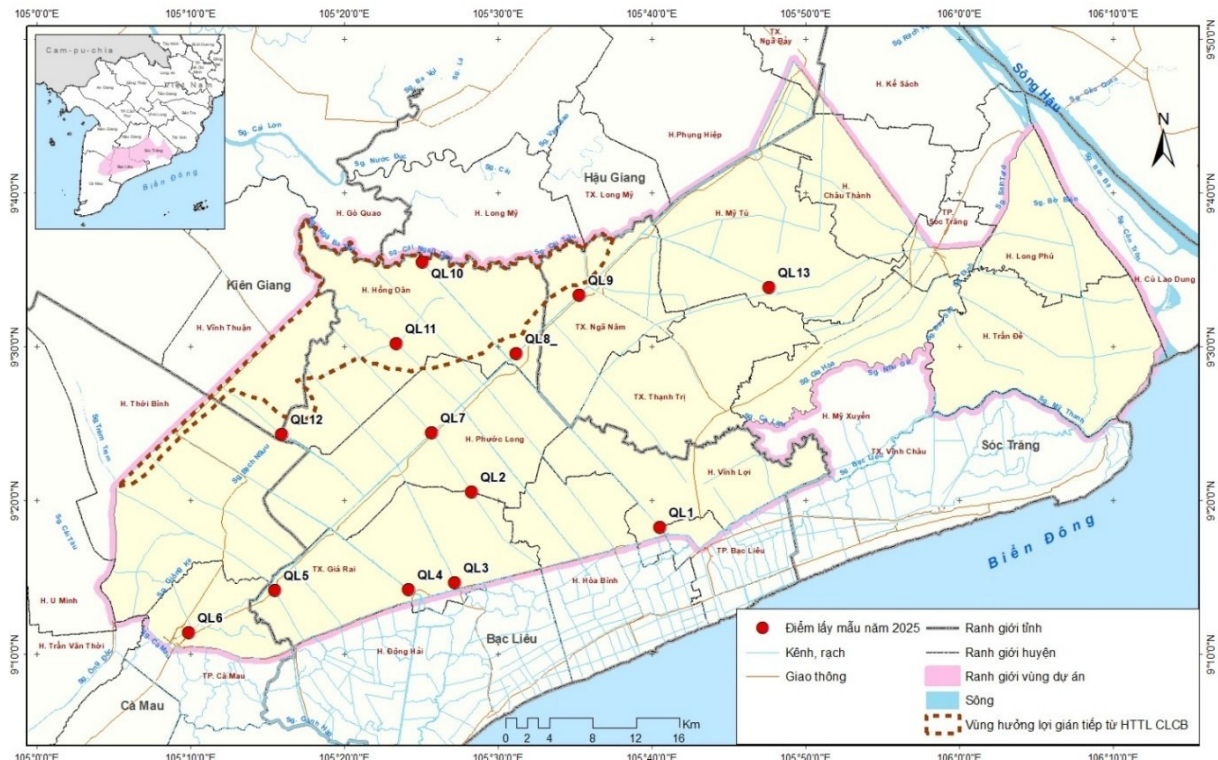
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 20

“Đợt đo ngày 25/06/2025, dự báo từ 10/07/2025 đến 16/07/2025”

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước ngày 10/07÷16/07/2025

Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, TN. Bảng giá trị dự báo các thông số được thể hiện dưới đây:

2.1. Độ mặn

Độ mặn trong tuần dự báo dao động từ 0,11÷13,37‰, tương đối ổn định so với tuần trước. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn duy trì ở mức phù hợp trồng lúa. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn vị trí QL10 các ngày trong tuần có độ mặn thấp dưới mức 4‰, chưa hoàn toàn thích hợp nuôi tôm.

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 10/07÷16/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							%	
		10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,36	0,36	0,36	0,35	0,35	0,34	0,34	0,34	0,36
QL2		0,59	0,23	0,11	0,23	0,62	0,53	0,49	0,11	0,62
QL8		1,01	1,04	1,07	1,07	1,02	0,94	0,80	0,80	1,07
QL9		0,14	0,26	0,12	0,24	0,19	0,24	0,18	0,12	0,26
QL13		0,24	0,29	0,19	0,28	0,20	0,15	0,26	0,15	0,29
QL3	Chuyển đổi	10,66	10,80	11,35	9,48	9,47	9,00	8,97	8,97	11,35
QL4		13,22	13,17	13,26	13,37	13,26	12,79	12,70	12,70	13,37
QL5		11,03	11,49	11,29	10,30	9,18	8,48	8,10	8,10	11,49
QL6		5,81	5,28	4,56	3,66	4,85	5,38	5,34	3,66	5,81
QL7		5,58	5,94	6,23	6,45	6,76	7,44	8,10	5,58	8,10
QL10		3,43	3,56	3,18	2,63	2,20	1,91	1,44	1,44	3,56
QL11		7,83	7,91	7,73	7,42	7,04	6,43	5,22	5,22	7,91
QL12		9,70	10,13	11,06	10,58	10,60	11,17	11,53	9,70	11,53
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO trong tuần dao động trong khoảng 3,3÷5,92 mg/l, tương đối ổn định so với tuần trước. Hầu hết các vị trí đều có hàm lượng DO đạt QCVN08:2023/BTNMT, Bảng 2 mức B đảm bảo nhu cầu cấp nước canh tác nông nghiệp. Ngoại trừ vị trí QL09 và QL10 có nồng độ Oxy hòa tan thấp dưới mức 5 mg/l, chưa đáp ứng yêu cầu để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý tăng hàm lượng Oxy trong nước ở tiểu vùng chuyển đổi để đảm bảo sức khỏe của đối tượng nuôi.

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 10/07÷16/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	5,43	5,44	5,44	5,44	5,44	5,43	5,43	5,43	5,44
QL2		5,71	5,71	5,71	5,70	5,70	5,69	5,69	5,69	5,71
QL8		5,23	5,40	5,65	5,61	5,55	5,33	5,08	5,08	5,65
QL9		3,50	3,43	3,35	3,30	3,34	3,42	3,56	3,30	3,56

QL13		5,88	5,88	5,89	5,89	5,89	5,90	5,89	5,88	5,90
QL3	Chuyển đổi	5,87	5,85	5,84	5,82	5,82	5,81	5,81	5,81	5,87
QL4		5,89	5,89	5,88	5,87	5,85	5,83	5,82	5,82	5,89
QL5		5,88	5,90	5,91	5,92	5,92	5,91	5,89	5,88	5,92
QL6		5,25	5,24	5,26	5,29	5,31	5,32	5,33	5,24	5,33
QL7		5,30	5,30	5,34	5,38	5,39	5,40	5,44	5,30	5,44
QL10		4,19	4,18	4,22	4,29	4,36	4,41	4,44	4,18	4,44
QL11		5,74	5,75	5,74	5,71	5,69	5,71	5,78	5,69	5,78
QL12		5,16	5,20	5,26	5,20	5,01	4,91	5,39	4,91	5,39
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≥ 6,0			Đạt mức B: ≥ 5,0			Không đạt mức B: < 5,0		

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ trong tuần dự báo dao động từ 7,42 – 17,92 mg/l, giảm nhẹ so với tuần trước. Tuy nhiên, trong cả 2 tiểu vùng ngọt hoá, chuyển đổi, BOD₅ tiếp tục duy trì ở mức cao, vượt mức B nhiều lần cho thấy nước vẫn chịu tác động từ ô nhiễm hữu cơ. Các điểm như QL2, QL6 và QL9 có mức BOD₅ cao trên 15 mg/l, phản ánh tình trạng chất lượng nước vẫn còn ô nhiễm hữu cơ nặng.

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 10/07÷16/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	13,09	12,90	12,87	12,84	12,88	13,19	13,57	12,84	13,57
QL2		15,64	15,30	15,13	15,17	15,30	15,33	15,33	15,13	15,64
QL8		8,32	8,24	8,18	8,15	8,12	8,08	8,06	8,06	8,32
QL9		16,98	16,44	16,83	17,92	17,35	16,55	16,20	16,20	17,92
QL13		8,19	8,19	8,23	8,32	8,38	8,46	8,26	8,19	8,46
QL3	Chuyển đổi	7,68	7,69	7,71	7,71	7,72	7,74	7,76	7,68	7,76
QL4		7,82	7,77	7,69	7,57	7,46	7,42	7,43	7,42	7,82
QL5		8,13	8,20	8,42	8,41	8,17	8,09	8,47	8,09	8,47
QL6		14,34	14,62	14,60	14,75	14,96	14,95	15,10	14,34	15,10
QL7		9,31	9,33	9,34	9,34	9,34	9,34	9,36	9,31	9,36
QL10		12,23	12,23	12,14	12,26	12,66	13,19	13,51	12,14	13,51
QL11		11,57	11,63	11,62	11,57	11,48	11,36	11,20	11,20	11,63
QL12		8,20	8,08	8,29	8,29	8,23	8,14	8,34	8,08	8,34
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6		Không đạt mức B: > 6			

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị TN trong tuần dao động từ 0,35 – 6,42 mg/l, ổn định so với tuần trước. Tuy nhiên, ngoại trừ vị trí QL5 hầu hết các vị trí trong vùng HTTL đều có nồng độ ô nhiễm tổng Nito vượt mức B, hầu hết các vị trí đều có nồng độ TN cao vượt ngưỡng mức B theo QCVN08:2023, đặc biệt tại vị trí QL2 có nồng độ TN cao nhất vượt mức 6 mg/l tại nhiều thời điểm trong tuần.

Bảng 4: Giá trị dự báo TN tại các điểm giám sát từ 10/07÷16/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	16/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	2,19	2,07	2,01	1,62	2,03	2,27	2,33	1,62	2,33
QL2		5,63	5,63	5,70	5,83	5,97	6,16	6,42	5,63	6,42
QL8		2,98	2,86	2,65	2,36	2,09	1,86	1,66	1,66	2,98
QL9		2,19	2,16	2,16	2,18	2,26	2,40	2,57	2,16	2,57
QL13		1,77	1,78	1,79	1,79	1,79	1,79	1,79	1,77	1,79
QL3	Chuyển đổi	0,72	0,68	0,64	0,62	1,54	1,35	1,18	0,62	1,54
QL4		0,35	0,40	0,45	0,49	0,51	0,52	0,52	0,35	0,52
QL5		1,66	1,66	1,67	1,67	1,68	1,68	1,68	1,66	1,68
QL6		4,94	4,52	4,09	3,81	3,66	3,63	3,65	3,63	4,94
QL7		2,33	2,30	2,29	2,31	2,34	2,39	2,47	2,29	2,47
QL10		4,30	4,54	4,62	4,64	4,55	4,41	4,34	4,30	4,64
QL11		3,98	3,84	3,41	3,18	3,34	3,45	3,48	3,18	3,98
QL12		3,35	3,48	3,56	3,60	3,61	3,60	3,57	3,35	3,61
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5		Không đạt mức B: > 1,5			

Khuyến cáo: Trong khoảng thời gian dự báo, độ mặn khá tương đồng so với tuần trước. Nồng độ Oxy hoà tan ở mức thích hợp cho SXNN, tuy nhiên cần theo dõi thêm tại vị trí QL9, QL10 có hàm lượng DO thấp có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước sản xuất nông nghiệp và sinh thái thủy sinh. Ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng duy trì ở mức cao tại tất cả các vị trí, hầu hết đều vượt quy chuẩn mức B QCVN08:2023/BTNMT. Cần có các biện pháp cảnh báo, xử lý kịp thời, thích hợp để tránh gây ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của người dân.

Nơi nhận

Lãnh đạo Bộ (để b/c);

- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);

Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
Phạm Văn Tùng